

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-02-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Bích Lệ
- Bà Táo Thị Mộng Quyên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Chiêm Vân, Thư ký
Toà án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Như Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự về hôn nhân gia đình thụ lý số 342/2023/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐ-HNGĐ ngày 01/02/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Trịnh Trần T1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Trịnh Trần T1 tự nguyện tìm hiểu yêu thương chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 08/11/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm, lối sống, anh T1 không có trách nhiệm với gia đình, dù vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải với nhau nhưng không thành mà ngày càng trầm trọng hơn do mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên từ tháng 3/2021 chị T và anh T1 đã không còn sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Trần T1.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Trịnh Trần T1 có 01 con chung là Trịnh Nguyễn Hoài N, sinh ngày 26/7/2017. Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ánh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trịnh Trần T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T1 vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không ghi lời khai và tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử. Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành tốt nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ

năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Trịnh Trần T1. Về con chung: Giao con chung tên Trịnh Nguyễn Hoài N, sinh ngày 26/7/2017 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định. Chị T không yêu cầu anh Trịnh Trần T1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết. Anh Trịnh Trần T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; về tài sản, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ánh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trịnh Trần T1, anh T1 thường trú tại huyện B, tỉnh Bình Thuận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Trịnh Trần T1 đã tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 08/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh T1 là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Trịnh Trần T1: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T1 vẫn cố tình vắng mặt không lý do căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo chị T trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T1 không có trách nhiệm, vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau. Dù vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại để tự hòa giải với nhau nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, do mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên chị T và anh Trịnh Trần T1 đã không

còn sống chung với nhau từ tháng 3/2021 đến nay, không còn sẻ chia, lo lắng, quan tâm nhau, mạnh ai nấy sống. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T1, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Trần T1. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân muốn hạnh phúc phải xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, yêu thương, chăm sóc và tin tưởng chia sẻ cho nhau nay tình cảm đó đã không còn nên việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1 là có căn cứ. Hơn nữa, Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung sống cùng nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng thực tế cuộc sống hôn nhân của chị T, anh T1 không còn hạnh phúc, anh chị đã không còn quan tâm, tôn trọng, tin tưởng, giúp đỡ nhau nên hạnh phúc gia đình ngày rạn nứt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không ai còn quan tâm đến ai, anh chị đã tự sống xa nhau từ tháng 3/2021 cho đến nay, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra một thời gian dài nhưng vợ chồng chị T, anh T1 không ai có thiện chí hòa giải đoàn tụ nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án cũng tạo điều kiện triệu tập anh T1 đến Tòa án để tiến hành hòa giải để anh chị hàn gắn tình cảm, nhưng anh T1 không đến Tòa, như vậy anh T1 đã tự khước từ việc hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Điều này chứng tỏ anh T1 không muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm với chị T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và nhằm ổn định cuộc sống cho các bên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh T đối với anh Trịnh Trần T1.

[2.2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Trịnh Trần T1 có 01 con chung tên Trịnh Nguyễn Hoài N, sinh ngày 26/7/2017, chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện con chung do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung cho ai nuôi phải đảm bảo đời sống của con được ổn định, nuôi dưỡng trong điều kiện tốt nhất, không làm xáo trộn cuộc sống cũng như sinh hoạt của con chung. Hơn nữa cháu N là con gái nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ của người mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T giao con chung Trịnh Nguyễn Hoài N, sinh ngày 26/7/2017 để chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trịnh Trần T1 được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

Về phương thức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa dù đã được Hội đồng xét xử giải thích quyền được yêu cầu cấp dưỡng

của người trực tiếp nuôi dưỡng con nhưng chị T vẫn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, sau khi bản án hôn nhân và gia đình có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị T, anh T1 phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3]. Xét ý kiến trình bày của các đương sự, cũng như quan điểm đề nghị tại Tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung của chị T là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí về việc yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Trịnh Trần T1.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trịnh Nguyễn Hoài N, sinh ngày 26/7/2017. Chị Nguyễn Thị Ánh T không yêu cầu anh Trịnh Trần T1 cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Trịnh Trần T1 có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh Trịnh Trần T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ánh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã đóng là 300.000 đồng theo biên lai số 0001367 ngày 11/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình. Chị Nguyễn Thị Ánh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trịnh Trần T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ánh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/02/2024). Quyền kháng cáo của anh Trịnh Trần T1 là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Bắc Bình;
- UBND xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình
(Hộ tịch: số 69, ngày 08/11/2016);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Ngọc

